

Số: 1722/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 20 tháng 7 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành đơn giá dịch vụ công đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024 và các luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về việc thành lập thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;

Căn cứ Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2025/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 330/TTr-SNNMT ngày 15 tháng 7 năm 2026.



## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành đơn giá dịch vụ công đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Đơn giá được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này (chưa bao gồm thuế VAT).

### **Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh:**

Quyết định này quy định đơn giá dịch vụ công đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

#### **2. Đối tượng áp dụng:**

- Đối tượng sử dụng dịch vụ: Tổ chức, cá nhân có yêu cầu cung cấp dịch vụ đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

- Đối tượng cung cấp dịch vụ: Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đồng Nai và các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc.

### **Điều 3. Đối tượng miễn thu**

Trường hợp chỉnh lý biến động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (không cấp đổi, cấp lại) về việc thay đổi địa chỉ thửa đất, địa chỉ thường trú của chủ sử dụng đất do Nhà nước thực hiện việc chia tách địa giới hành chính; thay đổi thông tin giấy tờ nhân thân của người sử dụng đất; thay đổi thông tin trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Nhà nước thay đổi quy định dẫn đến phải điều chỉnh thông tin thì không thu tiền chỉnh lý biến động.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện thu giá dịch vụ công đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai và tham mưu xây dựng, điều chỉnh đơn giá (nếu có) khi các quy định pháp luật có sự thay đổi.

2. Các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để xem xét, giải quyết.

**Điều 5. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, các Phó Chánh Văn phòng UBND thành phố;
- Báo phát thanh, Truyền hình Đồng Nai (đưa tin và đăng tải trên cổng thông tin điện tử);
- Lưu: VT, KTN, KTNS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hồ Văn Hà**





### Phụ lục

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1722/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai)

| Số TT | Nội dung thực hiện                                                                                                                                                                                                                                         | Đơn vị tính    | Đơn giá   |           |
|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------|-----------|
|       |                                                                                                                                                                                                                                                            |                | Cá nhân   | Tổ chức   |
| I     | CẤP ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN                                                                                                                                                                                                                           |                |           |           |
| 1     | Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đối với quyền sử dụng đất                                                                                                                                                                                                 | Hồ sơ/Thửa/GCN | 833.000   | 1.142.000 |
| 2     | Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất                                                                                                                                                                     | Hồ sơ/Thửa/GCN | 1.037.000 | 1.441.000 |
|       | <b>*Ghi chú:</b> Trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong 01 hồ sơ hoặc 01 hồ sơ nhiều Giấy chứng nhận thì mức thu đối với mỗi thửa đất hoặc Giấy chứng nhận tăng thêm:<br>- Đối với hồ sơ cá nhân 161.000 đồng;<br>- Đối với hồ sơ tổ chức 343.000 đồng. |                |           |           |
| II    | ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG PHẢI CẤP MỚI GIẤY CHỨNG NHẬN                                                                                                                                                                                                             |                |           |           |
| 1     | Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất                                                                                                                                                                                                                     | Hồ sơ/Thửa/GCN | 787.000   | 1.788.000 |
| 2     | Đăng ký biến động về tài sản gắn liền với đất                                                                                                                                                                                                              | Hồ sơ/Thửa/GCN | 939.000   | 1.762.000 |
| 3     | Đăng ký biến động đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất                                                                                                                                                                                               | Hồ sơ/Thửa/GCN | 1.108.000 | 2.206.000 |
|       | <b>*Ghi chú:</b> Trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong 01 hồ sơ hoặc 01 hồ sơ nhiều Giấy chứng nhận thì mức thu đối với mỗi thửa đất hoặc Giấy chứng nhận tăng thêm:<br>- Đối với hồ sơ cá nhân 236.000 đồng;<br>- Đối với hồ sơ tổ chức 536.000 đồng. |                |           |           |



| Số TT | Nội dung thực hiện                                                  | Đơn vị tính    | Đơn giá |           |
|-------|---------------------------------------------------------------------|----------------|---------|-----------|
|       |                                                                     |                | Cá nhân | Tổ chức   |
| III   | XÁC NHẬN THAY ĐỔI VÀO GIẤY CHỨNG NHẬN ĐÃ CẤP                        |                |         |           |
| 1     | Xác nhận thay đổi về quyền sử dụng đất                              | Hồ sơ/Thửa/GCN | 681.000 | 1.007.000 |
| 2     | Xác nhận thay đổi thông tin về người sử dụng đất, quyền sử dụng đất | Hồ sơ/Thửa/GCN | 165.000 | 383.000   |

**\*Ghi chú:** Đơn giá chưa bao gồm VAT

